

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN QUAN TÂM ĐỐI VỚI HỌC SINH TRUNG BÌNH, YẾU MÔN HÓA HỌC

TRỊNH VĂN BIỀU*, NGUYỄN THỊ NGỌC TUYẾT**

TÓM TẮT

Hiện nay học sinh trung bình, yếu (HSTBY) chiếm một tỉ lệ đáng kể và là mối quan tâm của nhiều gia đình, thầy cô, nhà trường và xã hội. Từ bài viết này người đọc có thể nhìn nhận HSTBY dưới nhiều góc độ khác nhau, biết cách nhận diện HSTBY dựa vào các biểu hiện có thể quan sát được và thấy rõ hơn các nguyên nhân cơ bản dẫn đến học yếu để từ đó có những biện pháp thích hợp giúp các em nâng cao kết quả học tập.

Từ khóa: học sinh trung bình yếu, phân loại, biểu hiện, nguyên nhân.

ABSTRACT

Some issues of concern for students

who have average and weak grades on chemistry

Currently the amount of students who have average and weak grades for chemistry accounts for a significant percentage and is the concern of many families, teachers, schools and society. This article helps the reader see those under many different aspects, know how to identify them based on observable expression and see more clearly the major causes leading to weak results. Thus, we will have appropriate measures to help students improve their learning outcomes.

Keywords: average and weak students, chemistry, classification, expression, causes.

1. Khái niệm, phân loại học sinh trung bình yếu

1.1. Khái niệm học sinh trung bình, yếu

Theo Điều 13 Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông (Ban hành kèm theo Quyết định số 40/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) [3], tiêu chuẩn xếp loại học kì và xếp loại cả năm của học sinh được phân làm 5 loại: giỏi, khá, trung bình, yếu, kém. Dựa theo đó trong bài báo này chúng tôi nghiên cứu các học sinh trung bình, yếu, kém

(HSTBYK – viết ngắn gọn hơn là HSTBY) môn Hóa học là những học sinh có điểm trung bình môn học dưới 6,5 điểm. Những học sinh này chiếm một tỉ lệ đáng kể trong các trường trung học phổ thông (THPT) và là mối quan tâm của rất nhiều giáo viên hiện nay.

1.2. Phân loại học sinh trung bình, yếu

Có thể nhìn nhận HSTBY dưới nhiều góc độ khác nhau, từ đó chúng ta phân ra những kiểu/loại khác nhau về HSTBY. Phân loại được mỗi em thuộc dạng nào giáo viên sẽ dễ có cách xử sự thích hợp và sẽ giúp các em học tập có kết quả hơn.

* PGS TS Trường Đại học Sư phạm TPHCM

** GV, Trường THPT Phan Bội Châu, TPHCM

1.2.1. Phân loại theo học lực (dựa vào kết quả học tập, điểm số)

Theo kết quả học tập, điểm trung bình môn học thì có thể phân ra: học sinh trung bình (điểm trung bình môn học từ 5,0 đến 6,5); học sinh yếu (điểm trung bình môn học từ 3,5 đến 5,0); học sinh kém (điểm trung bình môn học dưới 3,5).

1.2.2. Phân loại theo đạo đức/hạnh kiểm

Loại này bao gồm những đối tượng sau:

- Học sinh ngoan, hiền, chịu khó nhưng điểm vẫn thấp;
- Học sinh không có động cơ học tập (chán học, lười học, bỏ học);
- HS cá biệt (diện học sinh được xếp loại đạo đức yếu, có hành vi vô lễ với thầy cô giáo, gây gổ đánh nhau với bạn bè, hay bỏ giờ, trốn tiết).

1.2.3. Phân loại theo hoàn cảnh gia đình

Loại này bao gồm những học sinh:

- Gia đình khó khăn về kinh tế (thu nhập thấp, thiếu thốn);
- Gia đình không quan tâm đến việc học của con/em (bố mẹ bận kiếm tiền, bố mẹ li thân, li dị, không có điều kiện quan tâm đến con cái...);
- Gia đình học sinh vùng khó khăn, học sinh là con em các dân tộc ít người;
- Gia đình khá giả, bố mẹ nuông chiều, không chịu học hành.

1.2.4. Phân loại theo đặc điểm thể chất, trí tuệ

Loại này bao gồm:

- Học sinh sức khỏe kém, bệnh tật ốm đau kéo dài, thể trạng yếu ớt;
- HS khuyết tật (ở những nơi chưa có trường riêng dành cho các em, phải học chung với các HS bình thường khác);

- HS có các chỉ số về thể chất, trí tuệ bình thường hoặc dưới trung bình;

- HS có các chỉ số về thể chất, trí tuệ tốt nhưng do ham chơi nên kết quả học tập kém.

1.2.5. Phân loại theo nguyên nhân dẫn đến học yếu

Bao gồm những đối tượng sau:

- Học sinh có điều kiện học tập khó khăn;
- HS học yếu do bản thân (không có năng lực hay không thích học);
- HS học yếu do phương pháp dạy học của giáo viên;
- HS học yếu do các yếu tố ngoại cảnh: gia đình, bạn bè, nhà trường, xã hội;
- HS yếu kém nhất thời do các tác động khách quan, bị ảnh hưởng từ các sự việc xảy đến với gia đình như tai nạn, thiên tai, lũ lụt...

2. Nhận diện học sinh trung bình – yếu môn Hóa

Tổng hợp từ các số liệu điều tra [4], cùng với việc tham khảo ý kiến các giáo viên đã đứng lớp lâu năm, chúng ta có thể nhận diện HSTBY dựa vào các biểu hiện sau:

2.1. Các biểu hiện về tư duy

Những biểu hiện thường gặp là:

- Năng lực phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa, khái quát hóa còn hạn chế: HSTBY thường gặp khó khăn trong việc phân loại các chất, các phản ứng hóa học...

- Tư duy mang tính cụ thể - trực quan, kém nhanh nhạy và linh hoạt: khó tiếp thu khái niệm đám mây electron, quá trình điện li, điện phân...

- Hay nhầm lẫn giữa thuộc tính bản chất và thuộc tính không bản chất của khái niệm;

- Chậm hiểu, khó khăn khi tiếp nhận cái mới;

- Ngại suy nghĩ, nghĩ một chiều, dễ thừa nhận những điều người khác nói.

2.2. Các biểu hiện về năng lực, phương pháp học tập

Những biểu hiện thường gặp:

- Khả năng sử dụng ngôn ngữ (nói và viết) để diễn đạt yếu: HSTBY trả bài trên lớp rất chậm chạp, lúng túng; diễn đạt lộn xộn...

- Thường ghi chép bài, làm bài tập một cách qua loa, cầu thả, không cẩn thận;

- Khả năng ghi nhớ không được tốt, học trước quên sau, tiếp thu bài chậm.

- Khả năng vận dụng kiến thức vào bài tập yếu;

- Khả năng ôn luyện và tự học kém do chưa có phương pháp học và tự học tốt;

- Khả năng tập trung kém, dễ phân tán tư tưởng;

- Thường học vẹt, trả bài cũ bằng cách “đọc” lại nội dung, dù học bài rất kỹ nhưng trong quá trình “đọc” nếu quên một chữ sẽ quên luôn phần sau;

- Lơ đãng, không thực hiện các nhiệm vụ học tập theo yêu cầu. Chỉ tập trung học trong thời gian ngắn khi được khen hay bị trách phạt, đe dọa...

- Thụ động trong việc tìm kiếm tri thức, hài lòng với những gì được cung cấp sẵn;

- Ít (hoặc không) phát biểu khi giáo viên phát vấn, ngại nói lên những ý kiến

riêng, không dám hỏi những điều đang thắc mắc.

2.3. Các biểu hiện về tâm trạng

Một số biểu hiện thường gặp:

- Ngại đến lớp, ngại học bài và làm bài;

- Thường cảm thấy chán trong học tập và sẵn sàng bỏ cuộc khi gặp khó khăn;

- Tâm lí không được ổn định, thiếu sự tự tin trong học tập;

- Mức độ nặng: quen với những sự đánh giá xấu và tiếp nhận nó như một cái gì đó phải như vậy vì không thể tránh khỏi; có hành động đối phó trong học tập như quay bài, chép bài của bạn. Một số học sinh lúc nào cũng muốn nghỉ học, để không phải nghe những lời trách mắng của thầy cô và bố mẹ.

2.4. Các biểu hiện về kết quả học tập

Biểu hiện thường gặp là:

- Chậm tiếp thu bài;

- Kết quả học tập (điểm số các bài kiểm tra 15 phút, 1 tiết, học kì, cuối năm) thấp.

3. Nguyên nhân học sinh học yếu môn Hóa học

Từ các nội dung đã trình bày ở trên và kết quả nghiên cứu của chúng tôi (đề tài CS.2013.19.15), có thể thấy được các nguyên nhân cơ bản dẫn đến học yếu như sau:

3.1. Điều kiện học tập

3.1.1. Thiếu thời gian dành cho việc học tập

Những nguyên nhân chính là do:

- Phải phụ giúp gia đình do kinh tế khó khăn, nên ít thời gian học bài;

- Học thêm nhiều, không có trọng

tâm, lúc nào cũng thấy thiếu thời gian;

- Ham chơi nên không còn thời gian dành cho việc học;

- Nhà xa trường, mất nhiều thời gian đi lại, di chuyển.

3.1.2. Thiếu phương tiện học tập

Ví dụ:

- Tài liệu thiếu, ít sách tham khảo;
- Dụng cụ học tập chưa được đáp ứng đầy đủ (giấy, bút, máy tính bỏ túi, máy tính nối mạng;

- Phương tiện đi lại để học tập không thuận lợi.

3.2. Bản thân học sinh

3.2.1. Đặc điểm thể chất, sức khỏe

Dưới đây là một số trường hợp:

- Học sinh có thể chất kém phát triển, dị tật bẩm sinh khiến các em phải nỗ lực hơn gấp nhiều lần so với những HS bình thường. Do những khuyết tật của cơ thể khiến các em không có đầy đủ sức khỏe, mặc cảm với bạn bè sinh ra buồn chán, thiếu ý chí vượt lên bản thân.

- HS có sức khỏe kém, bệnh tật ốm đau (nhất thời hay kéo dài), thể trạng yếu ớt, phản ứng chậm chạp, thiếu linh hoạt, chậm thích ứng với môi trường và việc học tập.

3.2.2. Trí tuệ kém phát triển

Học sinh có đặc điểm trí tuệ kém phát triển ở các mức độ khác nhau. Trẻ có một số biểu hiện chậm hiểu biết và khả năng tiếp thu cái mới kém. Trẻ chậm phát triển trí tuệ vẫn có khả năng tri giác nhưng sự tri giác đó hạn chế, nghèo nàn, trong phạm vi hẹp; làm cho khả năng học tập chậm hơn các trẻ khác. Một số đặc điểm của đối tượng HS này đã nêu trong mục 2.1.

3.2.3. Thiếu động cơ, quyết tâm; lười biếng, ham chơi

Những trường hợp điển hình là:

- Học sinh thiếu ý thức học tập, không có động cơ học tập rõ ràng cũng như không có một định hướng nghề nghiệp cụ thể. Do chưa nhận thức được nhiệm vụ học tập nên HS lười học, không chăm chỉ, không chuyên cần, thái độ học tập chưa thật sự nghiêm túc, chưa tự giác trong học tập. Một bộ phận không ít HS chưa xác định được mục đích của việc học, đến lớp thì lo chọc phá bạn bè, trong giờ học thì xin ra ngoài để chơi. Do chưa nhận thức được tầm quan trọng của việc học, lơ là, chểnh mảng trong học tập, đến trường cho có lệ, kết quả cuối cùng là học tập sa sút, đi dần đến yếu kém. Theo ý kiến của nhiều GV thì đa số các học sinh yếu kém là do không chịu chú ý chuyên tâm vào việc học, về nhà thì không xem bài, không chuẩn bị bài, đến trường nhiều khi HS còn không biết ngày đó học môn gì, vào lớp thì không chép bài vì không đem vở ghi của môn đó.

- Ý chí rèn luyện và tính kiên trì của HS chưa cao; không có tính kiên nhẫn, cẩn thận khi làm bài.

- Thiếu tự tin, sống ỷ lại vào gia đình.

3.2.4. Chưa có phương pháp học tập thích hợp và hiệu quả

Phương pháp ảnh hưởng nhiều đến kết quả học tập. Mỗi môn học có những phương pháp học riêng và mỗi HS lại cần có những phương pháp thích hợp với từng em. Sau đây là một số ví dụ:

- HS chưa có phương pháp học tập khoa học, chủ yếu học vẹt, khả năng tự

học kém, lười đọc sách, không xem kĩ lí thuyết khi làm bài tập, không làm được thì lại đi chép bài để đối phó.

- Thiếu phương pháp học tập đặc thù với bộ môn Hóa học: có nhiều kiến thức trừu tượng nên HS khó hiểu bài, nhớ bài; cần nhiều kĩ năng tính toán và tư duy toán học (HSTBY thường yếu các kĩ năng này). Một số HS không thuộc các công thức tính toán hóa học nên gặp khó khăn khi giải các bài tập; chưa nắm vững các dạng bài tập lí thuyết và phương pháp giải các dạng bài toán hóa học nên làm bài mất nhiều thời gian.

- HS không có thói quen tự học, phương pháp tự học yếu.

3.2.5. Không nắm vững các kiến thức nền tảng cho việc học tập

Để có thể học tốt, đặc biệt là các môn tự nhiên nói chung và môn Hóa học nói riêng thì HS phải có vốn kiến thức nhất định. Tuy nhiên, hiện nay rất nhiều HS đã không có được những vốn kiến thức cơ bản ngay từ lớp nhỏ, từ đó càng lên các lớp trên việc tiếp thu kiến thức mới càng trở thành khó khăn đối với các em. Do mất căn bản kiến thức ngay từ lớp dưới, nhiều HS đuối sức trong học tập, không theo kịp các bạn sinh ra chán học, sợ học. Sau đây là những lỗ hổng kiến thức mà HS (từ lớp 8 đến lớp 12) hay mắc phải với môn Hóa học:

- Không nhớ hóa trị các nguyên tố, không lập được công thức phân tử;
- Không cân bằng được phản ứng;
- Không nắm vững công thức tính số mol, số gam, khối lượng mol nguyên tử, phân tử, nồng độ;
- Không nắm vững các phép tính

toán cơ bản: quy tắc tam xuất, tỉ lệ và thành phần %;

- Không nắm vững tính chất hóa học, vật lí, ứng dụng, điều chế của các chất;

- Không nắm vững các định luật hóa học cơ bản: bảo toàn khối lượng, bảo toàn điện tích...

- Không nắm vững các phương pháp giải bài tập cơ bản;

- Một số em ngôn ngữ tiếng Việt còn bị hạn chế (nhất là những học sinh dân tộc).

3.2.6. Học sinh cá biệt

Một số trường hợp hay gặp là:

- HS có đạo đức kém: quậy phá, đánh bạn, vô lễ với thầy cô...

- HS chậm tiến, quen với những sự đánh giá xấu và tiếp nhận nó như một cái gì đó phải như vậy vì không thể tránh khỏi;

- HS bị tổn thương nặng nề về tâm lí, không thích môn học vì thời gian trước kia đã có các dấu ấn, những kỉ niệm buồn (ví dụ giáo viên bộ môn đối xử không công bằng, trù dập, thường xuyên xúc phạm nhân phẩm).

3.3. Gia đình, bạn bè, nhà trường và xã hội

3.3.1. Ảnh hưởng của gia đình

Gia đình có ảnh hưởng rất lớn đến việc học tập của HS. Sau đây là một số dạng cơ bản:

- Gia đình gặp nhiều khó khăn về kinh tế nên HS không có đủ các phương tiện và điều kiện cần thiết cho việc học tập (tài liệu, thời gian...). Một số HS về nhà lo giúp đỡ gia đình, chăm sóc, trông giữ em bé cho bố mẹ. Một số HS phải đi làm để kiếm sống, bán vé số, đánh giày...

- Gia đình học sinh gặp nhiều rắc rối về đời sống tình cảm, bố mẹ bất hòa, li dị; có em chỉ sống với bố hoặc mẹ hay được gửi sống với người khác khiến các em không chú tâm vào học tập.

- Một số cha mẹ quá nuông chiều, bao bọc con, không cho con độc lập, buộc con phụ thuộc vào mình; hoặc bao che cho con, bất hợp tác với nhà trường. Điều đó dẫn đến sự thụ động, kém thích nghi với môi trường; trẻ phụ thuộc vào bố mẹ và khả năng thích nghi xã hội kém.

- Một số cha mẹ quá tin tưởng vào con, không kiểm tra việc học của con cái.

- Một số cha mẹ chỉ lo làm ăn, phó thác hết mọi việc cho nhà trường, thầy cô; chưa thật sự hoặc thiếu quan tâm, chăm sóc và động viên kịp thời việc học tập của con cái.

- Một số gia đình chưa có phương pháp và kinh nghiệm trong việc nuôi dạy con. Chưa biết cách chia sẻ, giúp đỡ con em khi gặp khó khăn, chưa biết động viên sự cố gắng của HS mà có khi còn gây sự ức chế cho các em.

- Cách cư xử của phụ huynh với kết quả học tập của học sinh cũng ảnh hưởng không nhỏ đến thái độ học tập của các em. Khi thấy con học kém phản ứng của bố mẹ thường là thiếu tin tưởng, đánh giá thấp khả năng của con. Chính những lo lắng, nghi ngờ và những lời đánh giá thiếu thận trọng của bố mẹ đã vô tình truyền sang các em mặc cảm là mình kém cỏi. Chúng ngày càng thiếu tự tin, học tập đã kém lại càng kém. Nhiều cha mẹ còn không kiềm chế được cảm xúc, giận dữ đánh con hoặc mắng nhiếc thậm tệ khi kết quả học tập của con giảm sút. Cách

cư xử đó khiến các em luôn mang mặc cảm là mình có lỗi, ức chế tình cảm, luôn lo sợ bị bỏ rơi, sợ bố mẹ không còn yêu thương nữa.

- Một số phụ huynh cho con học thêm quá nhiều, không phù hợp với trình độ và khả năng các em. Phụ huynh ép HS học quá tải thậm chí không cho các em thời gian nghỉ ngơi thư giãn. Phụ huynh gây áp lực cho HS bằng cách đưa các em vào các lò luyện thi dành cho HS khá, giỏi khiến các em ngày càng mất kiến thức căn bản trầm trọng.

- Thói quen xin xỏ của phụ huynh: nhiều ông bố, bà mẹ, tuy biết rất rõ con mình học dở, học yếu, không đủ điều kiện lên lớp, không thi được tốt nghiệp vẫn cố “ níu kéo” bằng đủ cách, xin xỏ, nhờ vả, chạy chọt thầy cô giáo, nhà trường.

3.3.2. Ảnh hưởng của bạn bè

Bước vào tuổi vị thành niên, bạn bè có một vai trò quan trọng. HS dễ bị tác động từ bạn bè, từ cái tốt đến cái xấu (đua đòi, hút thuốc, đua xe, bỏ học, trò chơi điện tử, bạo lực học đường...). HSTBY thường không có khả năng làm chủ bản thân, dễ bắt chước hoặc bị bạn bè lôi kéo. Với bạn bè không có động cơ học tập, lười biếng; ham chơi, trốn học, rủ rê vui chơi đàn đúm; HS thường sợ bạn bè tẩy chay hay loại ra khỏi nhóm nếu không hòa nhập theo.

3.3.3. Ảnh hưởng của nhà trường

Những ảnh hưởng của nhà trường rất đa dạng, có thể kể đến các yếu tố sau:

• Điều kiện cơ sở vật chất

- Sĩ số vượt quá quy định trong Điều lệ trường phổ thông. Hiện nay có khá

nhiều lớp học sĩ số đông từ 40 đến 55, với trình độ học tập không đồng đều. Vì vậy người thầy dù hết lòng vì HS cũng rất khó áp dụng phương pháp dạy học phù hợp cho mọi đối tượng. Số lượng quá đông cũng sẽ gây khó khăn cho GV trong việc theo dõi việc học của HS.

- Cơ sở vật chất, dụng cụ thí nghiệm ở một số trường còn thiếu thốn, không có điều kiện để thực hiện các thí nghiệm nên GV phải “dạy chay” dẫn đến HS khó khắc sâu kiến thức, không làm được các bài tập thực nghiệm.

- GV muốn ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học nhưng nhà trường lại thiếu các phòng chức năng, trang bị hệ thống máy móc thiết bị hỗ trợ.

• **Chương trình quá tải**

- Hiệu quả dạy học được nâng cao khi HS được tạo điều kiện hoạt động tích cực, được chủ động tham gia vào các hoạt động học tập mà GV thiết kế để lĩnh hội kiến thức. Thế nhưng điều này khó có thể thực hiện được nếu như cả GV và HS đều bị áp lực về thời gian và khi lượng kiến thức cần nhớ và tái hiện nhiều hơn là vận dụng.

- Nội dung kiến thức trong một tiết học khá nhiều mà phân phối thời gian hạn chế nên GV không đủ thời gian để giải bài tập và ôn luyện cho HS.

• **Bệnh thành tích của ngành giáo dục**

Tác giả Đỗ Tấn Ngọc (2010) [5], đã nêu lên một trong những nguyên nhân dẫn đến học sinh yếu kém:

Quy chế đánh giá học sinh, nêu rất rõ, những học sinh không đạt yêu cầu về hai mặt hạnh kiểm và học lực, thì phải ở

lại lớp, thi lại lớp, hoặc rèn luyện trong hè.

Nhưng thực tế, hầu hết các trường rất “sợ” cho học sinh không đạt yêu cầu ở lại lớp, thành thử, cuối năm làm mọi cách cho lên lớp bằng hết. Chủ yếu là bị bệnh thành tích, chỉ tiêu thi đua “đè” quá nặng và tình cảm thương hại học trò của phụ huynh. Năm nào cũng được lên lớp, dù học không được, tạo cho các học sinh này tâm lý ỷ lại, chủ quan và cả khinh nhờn trong học tập.

- Bệnh thành tích của ngành giáo dục: cấp trên chạy theo thành tích nên bắt cấp dưới phải chạy theo, nếu ai không theo thì sẽ bị phê bình, chỉ trích. Đầu năm nhà trường giao khoán chất lượng cho giáo viên, ai không kí thì sẽ không được xét thi đua và khen thưởng cuối năm. Tỷ lệ giao khoán thi thường là năm sau lại cao hơn năm trước một chút. Điều này làm cho một số GV dù không muốn cũng phải nâng điểm của học trò lên để đạt chỉ tiêu, để yên thân, để được thưởng. Ở một số trường, ban giám hiệu “sợ không đạt chuẩn” nên cuối năm tìm mọi cách cho HS lên lớp hết. Chính điều đó đã tạo nên thành tích ảo, nguyên nhân chính của sự yếu kém.

- Để có thành tích, không thiếu trường đã nâng điểm số của HS lên quá khả năng thực của các em. Mặt khác, cũng do áp lực của thành tích, các nhà trường chỉ lo đầu tư vào phong trào “mũi nhọn” như lập ra các lớp chuyên chọn; lo bồi dưỡng học sinh giỏi mà bỏ qua, coi nhẹ việc phụ đạo, kèm cặp những học sinh yếu kém. Học sinh giỏi được học một lớp riêng, được các GV giỏi giảng

dạy; HS yếu thì nhà trường ít quan tâm, GV giảng dạy thiếu nhiệt tình, không có bạn khá, giỏi để hỏi han, giúp đỡ.

- HS ngồi nhầm lớp do bệnh thành tích “xóa mù trung học cơ sở”.

• **Phương pháp kiểm tra đánh giá chưa phù hợp**

- Hình thức kiểm tra nếu không công bằng và hợp lí cũng ảnh hưởng đến kết quả học tập của HS.

- Nhiều nơi chưa thực hiện tốt việc kiểm tra đánh giá chất lượng HS (ngân hàng đề, bốc thăm đề kiểm tra, quản lí đề, duyệt đề...).

• **Hoạt động của trường, lớp, đoàn, hội**

- Các hoạt động của trường, lớp, đoàn, hội có tính tích cực nhưng chưa đủ sức hấp dẫn, thu hút với HS;

- Sự phối hợp giữa GV bộ môn – GV chủ nhiệm – phụ huynh học sinh và các đoàn thể khác chưa chặt chẽ.

3.3.4. *Ảnh hưởng của xã hội*

• **Các loại hình vui chơi giải trí**

Theo tác giả Đỗ Tấn Ngọc (2010) [5], các loại hình vui chơi, giải trí có tác động rất lớn đến việc học tập của học sinh:

Cùng với sự phát triển kinh tế, đời sống nhân dân được cải thiện, nhiều loại hình vui chơi, giải trí ra đời, thu hút, lôi cuốn phần đông đối tượng thanh thiếu niên, học sinh tham gia. Những hình thức vui chơi, giải trí, nhất là game online, bùng nổ, có mặt ở mọi nơi, mọi lúc, đã, đang “đầu độc” và làm hao tổn biết bao nhiều thời gian dành cho việc học tập của học sinh. Nhiều học sinh sa đà, đắm mình vào trong thế giới ảo, hết ngày này

qua ngày khác mà không biết chán. Việc học tập ngày càng sao nhãng, bỏ bê. Cũng vì chơi game mà nhiều học sinh vốn có tư chất học tập rất tốt nhưng thời gian sau lại yếu kém, sa sút nhanh chóng.

• **Bộ thực kiến thức từ sách tham khảo và học thêm**

Ngoài sách giáo khoa, nhiều HS còn được trang bị khá nhiều loại sách tham khảo, sách học tốt, sách nâng cao; nhiều HS còn có điều kiện và thời gian học thêm, học kèm ở các thầy cô giáo trong và ngoài trường. Do bị “bộ thực” từ các loại sách tham khảo, từ các lớp, khóa học thêm triền miên, nên nhiều HS mất dần khả năng tự học, tự sáng tạo, tự đào sâu kiến thức. Nhiều em không hề có chính kiến của bản thân, tất cả phụ thuộc vào những cái có sẵn của sách vở, của thầy cô.

3.4. **Giáo viên**

Trong một số trường hợp, giáo viên là nguyên nhân quan trọng dẫn đến HS học kém. Những yếu tố tác động của GV đến kết quả học tập của HS như sau:

3.4.1. *Phẩm chất và lương tâm nghề nghiệp*

Sự nhiệt tình, kinh nghiệm và khả năng sáng tạo, trách nhiệm đối với công việc của GV có ảnh hưởng nhiều đến kết quả học tập của HS. Ví dụ:

- Một số GV chưa thật sự tâm huyết với nghề, không quan tâm đến việc học tập của HS, buông lỏng việc quản lí, xử lí chưa kịp thời những biểu hiện sa sút của HS.

- GV quan tâm chưa nhiều đến học sinh HSTBY. Một số chỉ chú trọng vào các HS khá, giỏi và coi đây là chất lượng

chung của lớp mà quên đi HSTBY. GV thường không thích nhận lớp có tỉ lệ HSTBY cao.

- Một số GV chưa dành thời gian đầu tư nghiên cứu về phương pháp dạy học cũng như biên soạn tài liệu giảng dạy cho phù hợp (hệ thống lí thuyết, bài tập, phương pháp giải bài tập...).

- Một số GV chưa thật sự quan tâm tìm hiểu hoàn cảnh, những suy nghĩ, khó khăn của HSTBY. Có GV còn tỏ ra khó chịu khi các em hỏi bài do chưa có tinh thần trách nhiệm cao, thiếu tâm huyết với nghề, chưa thật sự quyết tâm giúp đỡ HS vươn lên trong học tập.

3.4.2. Kiến thức môn học

Nếu giáo viên có kiến thức chuyên môn vững vàng, sâu và rộng thì sẽ rất dễ làm chủ và phát triển về phương pháp dạy học, lôi cuốn HS yêu thích môn học. Tuy nhiên trên thực tế có khá nhiều GV thuộc các trường hợp sau:

- Kiến thức nắm không vững, không chính xác.

- Kiến thức hạn hẹp, bó gọn trong sách giáo khoa, dễ lúng túng khi gặp các tình huống mới phát sinh.

- Kiến thức lâu không sử dụng nên bị lãng quên, không biết HS trả lời đúng hay sai.

3.4.3. Phương pháp dạy học

Trình độ nghiệp vụ sư phạm của GV có ảnh hưởng lớn đến kết quả học tập của HS. Một số trường hợp hay gặp là:

- Giáo viên chưa sử dụng tốt các phương pháp dạy học, chưa gây hứng thú, kích thích tính tích cực, khả năng tự học của HS.

- GV chưa khai thác hết tác dụng của

đồ dùng dạy học, ít sử dụng phương tiện trực quan, sách giáo khoa, thí nghiệm.

- Một số GV chưa có biện pháp dạy học phân hóa đúng với trình độ từng HS. Tốc độ giảng bài nhanh khiến cho HS không theo kịp.

- Một số GV thiếu phương pháp tổ chức lớp học, lúng túng không biết làm thế nào để HS ham học, học tích cực hơn.

- GV dạy ôm đồm nhiều thứ, không bám sát chuẩn kiến thức, kĩ năng và trọng tâm của từng bài dạy.

3.4.4. Nghệ thuật cảm hóa học sinh

Các biểu hiện hay gặp:

- Một số giáo viên còn thiếu nghệ thuật cảm hóa HS, không tạo được hứng thú, lôi cuốn học sinh vào môn học.

- GV chưa tạo cơ hội cho HS bày tỏ ý kiến, lắng nghe và giúp đỡ các em làm bài tập, chưa sẵn sàng giúp đỡ HS khi cần thiết.

- Một số GV chưa có kinh nghiệm trong giao tiếp với HS, chưa biết tạo động lực và khuyến khích các em học tập.

- Các hành vi tiêu cực như đối xử với HS không công bằng, quá nghiêm khắc, thành kiến, lãnh đạm, trù dập, xem thường học sinh... sẽ để lại những dấu ấn không tốt, khiến các em không yêu thích môn học.

- GV chưa động viên, khen ngợi kịp thời những biểu hiện tích cực hay sáng tạo dù rất nhỏ của HS.

- Một số GV còn có hiện tượng chạy theo thành tích, chưa coi trọng việc đánh giá chất lượng thực của HS.

4. Kết luận

Hiện nay HSTBY chiếm một tỉ lệ

đáng kể và là mối quan tâm của nhiều gia đình, thầy cô, nhà trường và xã hội. Có thể nhìn nhận HSTBY dưới nhiều góc độ khác nhau, từ đó chúng ta phân ra những kiểu/loại khác nhau: phân loại theo học lực; theo đạo đức/hạnh kiểm; theo hoàn cảnh gia đình; theo đặc điểm thể chất, trí tuệ; theo nguyên nhân dẫn đến học yếu. Biết được mỗi em thuộc dạng nào giáo viên sẽ dễ có cách xử sự thích hợp và sẽ giúp các em học tập có kết quả hơn. Tuy nhiên, điều quan trọng là tìm ra được nguyên nhân dẫn đến học sinh học yếu.

Có thể phân chúng ra làm 4 nhóm: điều kiện học tập, người học - chủ thể học tập, người dạy và môi trường học tập (gia đình, bạn bè, nhà trường, xã hội). Trong các nguyên nhân trên thì theo chúng tôi người học - chủ thể học tập và người dạy là hai nguyên nhân có ý nghĩa quyết định nhất. Để nâng cao kết quả học tập của HS đòi hỏi GV phải có trình độ chuyên môn giỏi kết hợp với trình độ nghiệp vụ sư phạm tốt cùng với những phẩm chất và nhân cách cần thiết như lòng say mê, yêu nghề, tôn trọng người học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trịnh Văn Biều (2003), *Giảng dạy hóa học ở trường phổ thông*, Nxb Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.
2. Trịnh Văn Biều (2005), *Các phương pháp dạy học hiệu quả*, Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông* (Ban hành kèm theo Quyết định số 40/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
4. Nguyễn Anh Duy (2011), *Những biện pháp bồi dưỡng học sinh yếu môn Hóa lớp 10 trung học phổ thông*, Luận văn Thạc sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh.
5. Đỗ Tấn Ngọc (2010). Học sinh yếu kém do đâu? <http://dantri.com.vn/ban-doc/hoc-sinh-yeu-kem-do-dau-422101.htm>.
6. Nguyễn Thị Ngọc Lưu (2010). Một số giải pháp giúp đỡ học sinh yếu kém ở trường THPT, <http://thptninhchau.edu.vn/modules.php?name=News&op=viewst&sid=288>.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 29-3-2014; ngày phản biện đánh giá: 19-5-2014;
ngày chấp nhận đăng: 19-6-2014)